

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833901] - Thực tập thi công, lắp
đặt hệ thống tự động hóa (CCQ2215A)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 19...
Số bài thi: 19...
Số tờ giấy thi: 19...

Ng Việt Khoa Ng Việt Khoa
Đỗ Phu Đỗ Phu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150013	Nguyễn Quốc Bảo	29/05/2004	CCQ2215A	1	Bao	8,8	9,5	9,2
2	2122150040	Huỳnh Duy Bình	08/10/2004	CCQ2215A	1	Huy Bp	8,5	9	8,8
3	2122150002	Trương Thanh Bình	07/10/2003	CCQ2215A	1	Truong	8,8	9	8,9
4	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật Đăng	09/08/2004	CCQ2215A	1	Hoang	8,5	8,8	8,7
5	2122150027	Lữ Phan Thành Đạt	12/02/2004	CCQ2215A	1	Luu	8	8,8	8,6
6	2122150034	Nguyễn Xuân Giáp	16/12/2004	CCQ2215A	1	Guan	8,5	9,5	9,1
7	2122150024	Huỳnh Thanh Hào	02/03/2004	CCQ2215A	1	Huu	8,8	8,8	8,8
8	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài	08/01/2004	CCQ2215A	1	Quoc	9	9	9
9	2122150021	Hoàng Văn Huân	06/06/2004	CCQ2215A	1	Huu	8,3	9	8,7
10	2122150032	Vì Tuấn Hùng	21/03/2004	CCQ2215A	1	Vui	9,3	9	9,1
11	2122150018	Đinh Văn Huy	27/02/2004	CCQ2215A	1	Huy	8,3	8,5	8,4
12	2122150043	Giả Tấn Huyền	17/06/2004	CCQ2215A	1	Huan	9	9,5	9,3
13	2122150020	Trần Minh Khôi	30/07/2001	CCQ2215A	1	Tran	8	8,8	8,5
14	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh Lý	12/04/2004	CCQ2215A	1	Lej	8,8	9	8,9
15	2122150101	Nguyễn Minh Lý	28/12/2003	CCQ2215A	1	Minh	9	8,8	8,9
16	2122150004	Phan Văn Lý	26/06/2004	CCQ2215A	1	Phan	9	5,5	9,5
17	2122150011	Lê Quốc Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A	1	Le	8,3	8,8	8,6
18	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B	1	Son	9,3	9,5	9,4
19	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B	1	Thuy	9,3	9,5	9,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833904] - Thực tập thi công, lắp
đặt hệ thống tự động hóa (CCQ2215D)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

Đỗ PNA Nguyễn Việt Khoa
Đỗ PNA Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C	1		8	8,5	8,3
2	2122150080	Nguyễn Duy Cường	21/04/2004	CCQ2215C	1		7	7,5	7,3
3	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C	1		7	7,5	7,3
4	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C	1		8	7,5	7,3
5	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C	1		7	7,5	7,3
6	2122150036	Nguyễn Khắc Nam Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A	1		7	7	7,0
7	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C	1		8	8,5	8,
8	2122150060	Nguyễn Quang Huy	07/10/2004	CCQ2215C	1		8	8,5	8,3
9	2122150063	Trương Gia Kiện	22/01/2004	CCQ2215C			6	6	6,0
10	2122150044	La Ngọc Lễ	29/08/2004	CCQ2215C	1		9	8,5	8,7
11	2122150083	Lê Đức Lộc	23/11/2004	CCQ2215D	1		7	7	7,0
12	2122150093	Nguyễn Văn Mướp	27/08/2004	CCQ2215D	1		8,5	9	8,8
13	2122150072	Trần Trung Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D	1		8,5	9	8,8
14	2122150059	Nguyễn Tấn Thành	16/05/2004	CCQ2215D	1		8,5	9	8,8
15	2122150055	Huỳnh Thuận	18/09/2004	CCQ2215D	1		8,5	9	8,8
16	2122150084	Nguyễn Trọng Tri	21/09/2004	CCQ2215D	1		9	9,3	9,2
17	2122150051	Hồ Đức Trọng	02/07/2004	CCQ2215D	1		9	9,3	9,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833902] - Thực tập thi công, lắp
đặt hệ thống tự động hóa (CCQ2215B)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 18..
Số bài thi: 18..
Số tờ giấy thi: 18..

Nguyễn Việt Khoa
Đ. Ph. N.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A	1	Bằng	8,8	9	8,9
2	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	30/06/2004	CCQ2215B	1	Huỳnh Thái	9	9,3	9,2
3	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B	1	Đỗ Thế	8,5	8	8,2
4	2122150039	Nguyễn Đức	Quân	18/05/2004	CCQ2215B	1	Nguyễn Đức	8,8	8,8	8,8
5	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B	1	Trần Khánh	8,5	9	8,8
6	2122150038	Nguyễn Trí	Tài	07/02/2004	CCQ2215B	1	Tài	8,5	8	8,2
7	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	27/10/2004	CCQ2215B	1	Nguyễn Minh	8,8	9	8,9
8	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tấn	11/06/2004	CCQ2215B	1	Nguyễn Vũ Hoài	9,3	9,5	9,4
9	2122150035	Huỳnh Văn	Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B	1	Huỳnh Văn	9,3	9,0	9,1
10	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B	1	Phan Ngọc	8,5	8,8	9,1
11	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	CCQ2215B	1	Nguyễn Thành	9,3	9	9,1
12	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B	1	Nguyễn Minh	8,8	9	8,9
13	2122150042	Đặng Công	Trình	26/04/2004	CCQ2215B	1	Đặng Công	9	9	9,0
14	2122150031	Nguyễn Minh	Trực	17/02/2004	CCQ2215B	1	Nguyễn Minh	9	9	9,0
15	2122150030	Hồ Quang	Trung	28/10/2004	CCQ2215B	1	Hồ Quang	8,5	9	8,8
16	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	25/10/2004	CCQ2215B	1	Nguyễn Văn	8,8	9,0	8,9
17	2122150096	Tô Tuấn	Việt	14/10/2004	CCQ2215B	1	Tô Tuấn	8,5	9	8,8
18	2122150010	Trần Như Tuấn	Vũ	19/10/2003	CCQ2215B	1	Trần Như Tuấn	8,5	9	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833903] - Thực tập thi công, lắp
đặt hệ thống tự động hóa (CCQ2215C)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121150003	Phạm Hoàng Anh	13/10/2002	CCQ2115A	1	AS	9,5	9,5	9,5
2	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C	1	Chương	8	8,5	8,3
3	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C	1	Đạt	7	8	7,6
4	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C	1	Định	9	9,2	9,2
5	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C	1	ĐD	9	9,2	9,2
6	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C	1	Hùng	8	8,5	8,3
7	2122150054	Đặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C	1	ĐH	8	8,5	8,3
8	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C	1	HT	9,5	9,5	9,5
9	2122150074	Trần Quang Huy	27/08/2004	CCQ2215C	1	HT	8,0	8,5	8,3
10	2122150099	Phan Văn Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C	1	VK	9,0	9,5	9,7
11	2122150067	Nguyễn Đức Lộc	23/10/2004	CCQ2215D	1	ND	8	8,5	8,3
12	2122150089	Trương Công Lý	28/09/2004	CCQ2215D	1	Lý	8	8,5	8,3
13	2122150058	Đinh Hữu Ngô Quyền	28/09/2004	CCQ2215D	1	ĐH	9	9,3	9,2
14	2122150064	Phan Chí Thiện	21/11/2004	CCQ2215D	1	Thiện	8	8,5	8,3
15	2122150085	Võ Đức Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D	1	DT	9	9,3	9,2
16	2122150073	Vũ Trọng Thuận	28/08/2004	CCQ2215D	1	HT	8	8,5	8,3
17	2122150092	Châu Thanh Trọng	22/08/2004	CCQ2215D	1	Trọng	8	8,5	8,3
18	2122150056	Phan Văn Vi	06/11/2004	CCQ2215D	1	Vi	8	8,5	8,3